TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 259/2020/DS-PT Ngày: 30-12-2020 V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 và 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy K, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố C1, phường C2, thành phố C3, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 04-6-2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố K1, Phường K2, thị xã K3, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp Tiên Thuận, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Ông Đặng Quốc A, sinh năm 1991;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố K1, Phường K2, thị xã K3, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp K5, xã K4, thị xã K3, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thúy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thúy K người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Nguyễn Đức C trình bày:

Bà T là em ruột bà K, do tin tưởng nên bà K nhiều lần cho gia đình bà T vay tiền trong một khoảng thời gian dài nhưng không ghi giấy nợ, không tính lãi và không thế chấp tài sản. Ngày 12-7-2019 dương lịch, Quốc A (con ruột bà T) đến nhà bà K và có viết giấy nhận nợ số tiền 470.500.000 đồng, giao trả 50.000.000 đồng, chốt nợ 420.500.000 đồng và ký tên xác nhận nợ. Cùng ngày bà K có đến nhà bà T để nói chuyện, lúc này bà T ký tên vào giấy nhận nợ do Quốc A viết giùm, do sơ suất nên bà K không để ý số tiền ghi trên giấy nợ là 400.000.000 đồng. Bà T hẹn đến 01-01-2020 sẽ trả cho bà K mỗi tháng 2.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày hẹn bà T và Quốc A đều né tránh, không trả tiền như đã cam kết.

Bà K xác định 02 giấy nhận nợ cùng ngày 12-7-2019 là cùng một khoản vay, số tiền thực vay là 470.500.000 đồng. Tuy Quốc A không phải là người trực tiếp vay tiền nhưng Quốc A tự nguyện đứng ra nhận số nợ này và dựa vào các dòng chữ viết cũng như chữ ký của Quốc A tại giấy nhận nợ ngày 12-7-2019.

Bà K yêu cầu bà T và Quốc A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 420.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh trong 05 tháng từ ngày 01-01-2020.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà K có thay đổi yêu cầu, yêu cầu bà T và Quốc A trả số tiền vay 420.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn – Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận do cần tiền xoay sở chi tiêu trong gia đình, làm vốn làm ăn và trả lãi cho những khoản vay khác nên nhiều lần vay tiền của bà K trong nhiều năm. Các lần vay tiền đều không viết giấy nợ nhưng bà K có ghi vào sổ và lưu giữ riêng. Tuy không nhớ chính xác về tiền vay nhưng Bà T tự tính toán chỉ còn nợ bà K khoảng 171.000.000 đồng.

Ngày 12-7-2019, Bà T nhờ con trai là Quốc A chở đến nhà bà K mang theo 50.000.000 đồng để trả nợ nhưng đến nơi hai bên xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất được tổng số nợ nên bà T bỏ về trước, lúc này bà K ép buộc Quốc A phải ký giấy nợ 470.500.000 đồng dù thực tế Quốc A không phải là người vay tiền. Cùng ngày, bà K đến nhà bà T tiếp tục bắt Quốc A viết giùm bà T 01 giấy nhận nợ với số tiền 400.000.000 đồng nhưng không ai nói cho Bà T biết về giấy nợ Quốc A đã viết trước đó. Theo yêu cầu của bà K , bà T vẫn ký tên nhận số nợ 400.000.000 đồng và không nghĩ có ngày bà K sẽ mang giấy nợ này để khởi kiện.

Bà T xác định số tiền trong 02 giấy nợ là cùng một khoản nợ của riêng bà. Việc vay tiền có tính lãi nhưng bà không có giấy tờ ghi lại nên không nhớ đã đóng lãi bao nhiêu. Do con trai bà là Quốc A không liên quan. Bà T chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 171.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm khoản tiền nào khác.

Bị đơn Đặng Quốc A trình bày:

Xác định ngày 12-7-2019 có chở mẹ ruột Nguyễn Thị T đến nhà bà K để trả số tiền 50.000.000 đồng, mẹ nợ bà K số tiền bao nhiêu ông không rõ nhưng vì là mẹ con với nhau nên đi chung. Khi đến nơi, bà T và bà K phát sinh mâu thuẫn không thống nhất số nợ nên bà T bỏ về trước, lúc này bà K ép ông phải ghi giấy nợ với số tiền 470.500.000 đồng, ghi trả 50.000.000 đồng và chốt nợ 420.500.000 đồng và ký tên, việc ghi giấy nhận nợ này chỉ để giải quyết tình thế bị ép, chứ không hề có sự thỏa thuận là ông phải có nghĩa vụ trả nợ thay mẹ.

Ông xác định khoản nợ này là nợ riêng của bà T, ông đã có gia đình riêng, tách bạch tài chính với Bà T và chưa từng vay tiền hay nhận khoản tiền nào từ bà K. Cùng ngày, bà K đến nhà bà T bắt ghi thêm một tờ giấy nhận số nợ 400.000.000 đồng, ông cũng ghi cho Bà T ký tên. Theo ông, giấy chốt số tiền nợ 400.000.000 đồng viết sau giấy nợ của ông viết đưa bà K. Bà T và bà K phải tự giải quyết với nhau, không liên quan đến ông.

Nay ông không đồng ý trả bất kỳ khoản tiền nào vì không nợ tiền của bà K .

Tại Bản án sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thúy K đối với bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Quốc A.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thúy K số tiền vay 400.000.000 đồng, tiền lãi 29.555.500 đồng, tổng cộng là 429.555.500 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 420.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu buộc ông Đặng Quốc A có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả nợ, lý do: Ông Quốc A là người biết sự việc, có viết giấy nhận nợ ngày 12-7-2019 và tiền bà T vay về có làm đám cưới cho Quốc A.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày: Việc vay tiền giữa bà và bà K thì Quốc A (con trai bà) không biết và tiền vay về bà sử dụng vào việc kinh doanh mua bán ở cửa khẩu thua lỗ, bà tự chịu trách nhiệm với bà K.

Bị đơn Đặng Quốc A trình bày: Ông không có tham gia giao dịch vay tiền với bà K, chỉ biết mẹ ruột (bà T) có vay tiền của bà K nhưng không biết cụ thể từng khoản vay, ngày 12-7-2019 mẹ ông (bà T) có nhờ ông chở đến nhà bà K

trả 50.000.000 đồng, đó là tiền bà T bán nhà có được đem trả, trong lúc bà K và Bà T tính toán tiền nợ thì mâu thuẫn nhau nên bà T bỏ ra về, phía bà K yêu cầu ông viết giấy có giao 50.000.000 đồng và nhận nợ số tiền là 420.500.000 đồng. Sau đó cùng ngày bà K gặp bà T chốt lại số tiền nợ là 400.000.000 đồng yêu cầu ông viết giấy nợ và bà T ký tên, hoàn toàn không liên quan đến ông. Không đồng ý kháng cáo của bà K .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thúy K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời trình bày của các bên đương sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về Tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-10-2020 nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Qua xem xét đơn kháng cáo phù hợp trình tự, thủ tục quy định tại Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đức C theo văn bản ủy quyền ngày 04-6-2020 để tham gia tố tụng, xét việc ủy quyền phù hợp với quy định tại các Điều 85, Điều 86 và Điều 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Phía bị đơn ông Đặng Quốc A trình bày hủy bỏ việc ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng H theo văn bản ủy quyền ngày 21-8-2021. Ông tự trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thúy K, thấy rằng: Bà K và bà T là chị em ruột, có giao dịch vay tiền và trả tiền nhiều lần trong nhiều năm, đến ngày 12-7-2019 các bên chốt nợ tại nhà bà K và xảy ra mâu thuẫn, có tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[2.1] Về số tiền phải trả các bên đã thống nhất và không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét về nghĩa vụ liên đới của ông Đặng Quốc A, thấy rằng: Trong suốt thời gian dài từ 2014, 2015 đến ngày 12-7-2019 bà K cho bà T vay nhiều khoản tiền nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Đặng Quốc A cùng tham giao dịch vay tiền,

[2.3] Xét chứng cứ bà K cung cấp là tờ giấy nhận nợ ngày 12-7-2019 do Quốc A viết và ký tên nội dung là nhận các khoản nợ trước đây Bà T đã vay là 420.500.000 đồng, liền trong ngày này bà K đã trực tiếp gặp Bà T để xác nhận lại nợ, số tiền nợ còn lại là 400.000.000 đồng và bà T ký tên giấy nợ. Nguyên

đơn và bị đơn đều xác nhận 02 giấy nợ cùng ngày 12-7-2019 là 1 khoản nợ, phía nguyên đơn xác định Quốc A không có nhận tiền và cũng không chứng minh được những khoản tiền nào cộng lại ra số tiền 400.000.000 đồng vào ngày chốt nợ 12-7-2019.

[2.4] Trong quá trình tạm ngừng phiên tòa, phía đại diện của nguyên đơn cung cấp chứng cứ là nội dung tin nhắn giữa bà K và bà T vào năm 2016, bà T thừa nhận nội dung tin nhắn nhưng qua xem xét nội dung các tin nhắn liên quan đến hụi, không thể hiện được việc Quốc A có nhận tiền từ bà K hay có thỏa thuận gì về chuyển giao nghĩa vụ trả nợ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận bà K đã nộp xong theo Biên lai thu số 0009200 ngày 09-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy K.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thúy K số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 29.555.500 đồng. Tổng cộng là 429.555.500 (bốn trăm hai mươi chín triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thúy K yêu câu ông Đặng Quốc A có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Bà T phải chịu 21.182.000 (hai mươi mốt triệu, một trăm tám mươi hai ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Nguyễn Thúy K phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 10.759.000 đồng theo Biên lai thu số 0008837 ngày 08-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thúy K 9.759.000 (chín triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn) đồng.

Bà K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo Biên lai thu số 0009200 ngày 09-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC.TPHCM
- Vụ GĐKT TAND Tối cao (Vụ 2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Hòa Thành, TN;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành, TN;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: tập án; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Giang